

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Địa chỉ : Tầng 3, 75 -77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình

Quận I, TP. HCM

Mã số thuế: **0304814339**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I - NĂM 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I - NĂM 2021

Gồm:

- Báo cáo Tình hình tài chính riêng
- Báo cáo Kết quả hoạt động riêng
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
- Công văn giải trình biến động kết quả kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		2,519,776,900,890	2,172,960,074,502
I. Tài sản tài chính	110		2,518,077,402,785	2,169,121,731,195
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	1	21,052,879,974	1,002,117,958,872
1.1. Tiền	111.1		21,052,879,974	1,002,117,958,872
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	3.1	1,175,837,377,439	450,490,918,650
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		450,000,000,000	
4. Các khoản cho vay	114	3.2	286,155,615,556	127,817,183,500
7. Các khoản phải thu	117		5,975,888,905	695,000,000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	4a	5,878,530,000	695,000,000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		97,358,905	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		97,358,905	-
8. Trả trước cho người bán	118	4b	538,293,875,728	512,551,667,980
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4c	39,273,153,077	62,742,833,058
12. Các khoản phải thu khác	122	4d	1,488,612,106	12,706,169,135
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1,699,498,105	3,838,343,307
1. Tạm ứng	131		350,818,633	562,451,671
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	5a	1,328,679,472	1,090,385,434
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	6a	20,000,000	20,000,000
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	136	14b		2,165,506,202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		28,970,684,401	25,603,536,023
II. Tài sản cố định	220		6,514,497,179	6,956,397,665
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2,985,278,494	3,230,140,480
- Nguyên giá	222		9,118,477,729	9,118,477,729
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(6,133,199,235)	(5,888,337,249)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	3,529,218,685	3,726,257,185
- Nguyên giá	228		10,953,787,564	10,953,787,564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7,424,568,879)	(7,227,530,379)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	9	758,382,609	425,882,609
V. Tài sản dài hạn khác	250		21,697,804,613	18,221,255,749
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	6b	2,787,316,873	2,265,293,833
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	5b	5,204,808,606	5,501,756,869

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	10	9,147,717,982	6,353,177,853
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	4,557,961,152	4,101,027,194
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,548,747,585,291	2,198,563,610,525
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1,491,362,126,758	1,238,047,594,567
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		491,362,126,758	238,047,594,567
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		44,230,221,145	55,406,916,000
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	12		324,237,500
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	13	30,016,921,863	7,122,594,274
11. Phải trả người lao động	323		934,945,932	8,570,186,519
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		46,665,000	
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	14	49,075,090,961	33,565,253,669
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		51,613,819,034	31,151,123,629
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	15	315,444,462,823	101,907,282,976
II. Nợ phải trả dài hạn	340		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	16	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		1,057,385,458,533	960,516,015,958
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,057,385,458,533	960,516,015,958
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
7. Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	417	18	57,385,458,533	(39,483,984,042)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		42,928,902,854	(45,270,770,467)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện đến cuối kỳ trước	417.1a		(45,270,770,467)	(132,214,676,633)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện phát sinh trong kỳ	417.1b		88,199,673,321	86,943,906,166
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		14,456,555,679	5,786,786,425
- Lợi nhuận chưa thực hiện đến cuối kỳ trước	417.2a		5,786,786,425	3,464,696,632
- Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	417.2b		8,669,769,254	2,322,089,793
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		2,548,747,585,291	2,198,563,610,525

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	19.1	408,234,835,519	408,234,835,519
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	17	100,000,000	100,000,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	19.2	70,102,470,000	227,218,270,000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		19.2	67,302,470,000	226,718,270,000
<i>b. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>			2,800,000,000	500,000,000
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		37,190,400,000	1,511,500,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	19.3	943,109,254,794	98,100,000,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	19.4	3,744,881,110,000	3,107,055,785,000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		1,471,610,240,000	1,113,855,545,000
<i>d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		2,173,090,670,000	1,966,554,330,000
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		100,180,200,000	26,645,910,000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	19.5	23,588,250,000	24,349,090,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		576,828,028,626	182,001,020,004
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	19.6	576,828,028,626	154,001,020,004
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	19.7	-	28,000,000,000
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	19.8	576,828,028,626	154,001,020,004
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		576,204,853,412	153,425,112,018
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		623,175,214	575,907,986
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	28,000,000,000
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	20	1,480,199,579	1,606,627,659

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021



NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

QUÝ I - NĂM 2021

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý I	Lũy kế từ đầu năm	Quý I	Lũy kế từ đầu năm
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		32,143,747,428	32,143,747,428	6,205,600	6,205,600
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	21	14,143,024,617	14,143,024,617		
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	22	7,553,066,371	7,553,066,371	6,197,300	6,197,300
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	23	10,447,656,440	10,447,656,440	8,300	8,300
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	23			3,287,671	3,287,671
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	24	3,378,134,655	3,378,134,655	88,651,312	88,651,312
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	25	9,480,058,752	9,480,058,752	1,588,920,069	1,588,920,069
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	25	100,000,000	100,000,000	-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	25	28,513,672,002	28,513,672,002	353,040,791	353,040,791
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	25	181,070,000,000	181,070,000,000	84,359,800,000	84,359,800,000
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	25	506,312,793	506,312,793	253,000,000	253,000,000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 --> 11)	20		255,191,925,630	255,191,925,630	86,652,905,443	86,652,905,443
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		9,969,675,102	9,969,675,102	428,230	428,230
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	28	8,242,035,950	8,242,035,950		
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	21, 28	1,677,837,246	1,677,837,246	428,230	428,230
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3	22, 28	49,801,906	49,801,906		
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	28			144,000,000	144,000,000
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	8,224,344,045	8,224,344,045	1,775,763,214	1,775,763,214
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	27,544,504,857	27,544,504,857	174,482,756	174,482,756
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	28	54,017,677,625	54,017,677,625	39,945,136,877	39,945,136,877
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 --> 32)	40		99,756,201,629	99,756,201,629	42,039,811,077	42,039,811,077
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42	26	348,109,422	348,109,422	266,683,118	266,683,118
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 --> 44)	50		348,109,422	348,109,422	266,683,118	266,683,118
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH						
4.2. Chi phí lãi vay	52	27	24,864,063,260	24,864,063,260	165,553,804	165,553,804
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 --> 55)	60		24,864,063,260	24,864,063,260	165,553,804	165,553,804

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý I	Lũy kế từ đầu năm	Quý I	Lũy kế từ đầu năm
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61					
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	29	17,249,358,487	17,249,358,487	12,064,395,198	12,064,395,198
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)	70		113,670,411,676	113,670,411,676	32,649,828,482	32,649,828,482
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC						
8.1. Thu nhập khác	71	30	2,464,159,100	2,464,159,100	1,123,789,370	1,123,789,370
8.2. Chi phí khác	72					
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		2,464,159,100	2,464,159,100	1,123,789,370	1,123,789,370
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		116,134,570,776	116,134,570,776	33,773,617,852	33,773,617,852
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		110,259,341,651	110,259,341,651	33,767,848,782	33,767,848,782
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		5,875,229,125	5,875,229,125	5,769,070	5,769,070
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		19,265,128,201	19,265,128,201	6,665,600,829	6,665,600,829
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		22,059,668,330	22,059,668,330	3,248,124,591	3,248,124,591
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(2,794,540,129)	(2,794,540,129)	3,417,476,238	3,417,476,238
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		96,869,442,575	96,869,442,575	27,108,017,023	27,108,017,023
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300					
Tổng thu nhập toàn diện	400		96,869,442,575	96,869,442,575	27,108,017,023	27,108,017,023
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		969	969	617	617
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		969	969	617	617
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		969	969	617	617



NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

MẪU B03-CTCK

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		116,134,570,776	33,773,617,852
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		24,957,854,324	426,468,803
- Khấu hao TSCĐ	03		441,900,486	264,202,670
- Chi phí lãi vay	06		24,864,063,260	165,553,804
- Dự thu tiền lãi	08		(348,109,422)	(3,287,671)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		1,677,837,246	428,230
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		1,677,837,246	428,230
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(7,553,066,371)	(6,197,300)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(7,553,066,371)	(6,197,300)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(1,115,949,774,873)	101,437,180,361
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(719,471,229,664)	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(450,000,000,000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(158,338,432,056)	235,192,455
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(5,183,530,000)	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		250,750,517	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		23,469,679,981	(36,114,616,900)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		11,217,557,029	44,086,845,072
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(767,323,960)	107,744,868,971
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		4,333,142,437	1,699,384,829
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		58,654,225	523,581,782
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(4,170,866,929)
- (-) Lãi vay đã trả	44		(24,864,063,260)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(26,066,445,248)	(119,430,130)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		46,665,000	(845,000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		3,000,165,461	(3,713,613,305)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(7,635,240,587)	(1,521,320,000)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		233,999,875,252	(7,212,000,484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(980,732,578,898)	135,631,497,946
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(332,500,000)	(303,052,200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>(332,500,000)</i>	<i>(303,052,200)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	39,600,000,000
3 Tiền vay gốc	73		184,460,500,000	(15,000,000,000)
3.2 <i>Tiền vay khác</i>	<i>73.2</i>		<i>184,460,500,000</i>	<i>(15,000,000,000)</i>
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(184,460,500,000)	-
4.3 <i>Tiền chi trả gốc nợ vay khác</i>	<i>74.3</i>		<i>(184,460,500,000)</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>-</i>	<i>24,600,000,000</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(981,065,078,898)	159,928,445,746
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	1	1,002,117,958,872	117,115,839,349
- Tiền	101.1		1,002,117,958,872	117,115,839,349
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	1	21,052,879,974	277,044,285,095
- Tiền	103.1		21,052,879,974	217,044,285,095
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	60,000,000,000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		3,279,409,974,647	143,656,562,100
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2,776,051,165,791)	(209,405,839,800)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		4,069,101,810,514	232,640,235,750
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(4,149,217,993,340)	(168,240,415,626)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(415,617,408)	(132,040,791)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		2,003,590,000,000	1,274,549,729,340
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(1,767,590,000,000)	(1,289,749,726,340)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		658,827,008,622	(16,681,495,367)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		182,001,020,004	29,627,572,793
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		182,001,020,004	29,627,572,793
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	19.7	154,001,020,004	13,427,572,793
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	19.8	28,000,000,000	16,200,000,000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		840,828,028,626	12,946,077,426
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		840,828,028,626	12,946,077,426
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	19.7	576,828,028,626	11,946,074,426
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		264,000,000,000	1,000,003,000

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021



NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
QUÝ I - NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ			
		Năm trước		Năm nay		(Đơn vị tính : VND)			
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31/03/2020	Ngày 31/03/2021		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	400.000.000.000	1.000.000.000.000	39.600.000.000	-	-	439.600.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400.000.000.000	1.000.000.000.000	39.600.000.000	-	-	439.600.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	18	(128.749.980.001)	(39.483.984.042)	30.519.724.191	(3.411.707.168)	88.199.673.321	8.669.769.254	(101.641.962.978)	57.385.458.533
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(132.214.676.633)	(45.270.770.467)	30.519.724.191	-	88.199.673.321	(101.694.952.442)	42.928.902.854	42.928.902.854
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		3.464.696.632	5.786.786.425	-	(3.411.707.168)	-	8.669.769.254	52.989.464	14.456.555.679
		271.250.019.999	960.516.015.958	70.119.724.191	(3.411.707.168)	88.199.673.321	8.669.769.254	337.958.037.022	1.057.385.458.533

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021



NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
- ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.
 - ✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND.

Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 1.000.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 100.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
 - Fax : (84-028) 3911 8015
 - Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9**
- **Chi nhánh**
 - Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
 - Địa chỉ : Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về “Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán”.

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

5. Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn 01 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 146 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 125 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phát sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoán thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

11. Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Các quỹ.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hằng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Mức trích tối đa
Quỹ dự phòng bổ sung Vốn điều lệ	5%	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% Vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các Quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

17. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

18. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền	21,052,879,974	1,002,117,958,872
Tiền mặt tại quỹ	10,917,058	8,011,957
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	21,041,962,916	1,002,109,946,915
	21,052,879,974	1,002,117,958,872

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Cổ phiếu)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a) Cửa CTCK	40,024,683	1,214,304,911,815
- Cổ phiếu	34,253,700	564,762,428,000
- Trái phiếu	5,770,983	649,542,483,815
Cộng:		
b) Cửa Nhà đầu tư	208,962,912	6,155,227,288,001
- Cổ phiếu	204,526,666	5,746,229,846,040
- Trái phiếu	4,044,946	408,018,917,961
- Chứng khoán khác	391,300	978,524,000
Cộng	248,987,595	7,369,532,199,816

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng chỉ tiền gửi	505,209,254,794	505,209,254,794	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	72,147,945,205	72,147,945,205	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30,107,358,904	30,107,358,904	-	-
Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	202,410,800,000	202,410,800,000	-	-
Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	200,543,150,685	200,543,150,685	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (tiếp theo)**

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Cổ phiếu niêm yết	77,156,014,847	83,512,281,200	292,015,659,250	291,390,918,650
Ngân hàng TMCP Á Châu	1,631,000,000	1,665,000,000	-	-
CTCP DV Du lịch Phú Thọ	803,400,000	673,620,000	803,400,000	587,100,000
CTCP Mía đường Boirbon Tây Nguyên	6,024,590,000	6,070,400,000	-	-
CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	9,804,278,735	12,933,591,000	13,625,783,138	14,206,920,000
CTCP Vincom	55,668,520,000	58,950,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	-	141,592,000,000	141,592,000,000
CTCP Chứng khoán Everest	-	-	21,985,250,000	22,502,550,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3,215,000,000	3,217,500,000	-	-
Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	-	-	114,000,000,000	112,500,000,000
Các công ty khác	9,226,112	2,170,200	9,226,112	2,348,650
Trái phiếu niêm yết	88,628,226,516	88,118,033,225	-	-
CTCP Vinhomes	41,474,800,000	40,960,509,100	-	-
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế	47,153,426,516	47,157,524,126	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	145,900,000,000	143,000,000,000	143,000,000,000
CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-
CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Trái phiếu chưa niêm yết	353,635,043,585	353,097,808,219	16,041,650,828	16,100,000,000
CTCP Bất động sản Khải Hoàn Land	1,006,437,557	1,000,000,000	-	-
CTCP BĐS Wonderland	2,101,016,100	2,100,000,000	-	-
CTCP Đầu tư TMDV Gia Khang	1,006,027,397	1,000,000,000	-	-
CTCP ĐTTM Sunshine Tech	600,093,454	600,000,000	-	-
CTCP Công trình Giao Thông Đồng Nai	612,448,066	600,000,000	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn	2,187,282,601	2,200,000,000	-	-
CTCP ĐTPT Công nghiệp và Vận tải	5,471,738,410	5,500,000,000	-	-
CTCP Bất Động Sản Thế Kỳ	100,121,000,000	100,030,136,986	-	-
CTCP ĐT KD Bất động sản Hà An	100,385,000,000	100,029,589,041	-	-
CTCP Năng Lượng Bắc Hà	100,144,000,000	100,028,767,123	-	-
NH TMCP Bảo Việt	40,000,000,000	40,009,315,068	-	-
CTCP Hưng Thịnh Land	-	-	16,041,650,828	16,100,000,000
Tổng cộng	1,170,528,539,742	1,175,837,377,439	451,057,310,078	450,490,918,650

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	400,000,000,000	400,000,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Á	50,000,000,000	50,000,000,000	-	-
Tổng cộng	450,000,000,000	450,000,000,000	-	-

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4,1%/ năm đến 4,7%/ năm.

c) Các khoản cho vay

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	138,911,903,213	138,911,903,213	23,283,332,086	23,283,332,086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	147,243,712,343	147,243,712,343	104,533,851,414	104,533,851,414
Tổng cộng	286,155,615,556	286,155,615,556	127,817,183,500	127,817,183,500

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

Các loại Tài sản tài chính	31.03.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Tài sản FVTPL	1,170,528,539,742	1,175,837,377,439	6,548,301,626	(1,239,463,929)	1,175,837,377,439	451,057,310,078	450,490,918,650	1,157,580,027	(1,723,971,455)	450,490,918,650
Chứng chỉ tiền gửi	505,209,254,794	505,209,254,794	-	-	505,209,254,794					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	72,147,945,205	72,147,945,205	-	-	72,147,945,205					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30,107,358,904	30,107,358,904	-	-	30,107,358,904					
Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vượng	202,410,800,000	202,410,800,000	-	-	202,410,800,000					
Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	200,543,150,685	200,543,150,685	-	-	200,543,150,685					

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	31.03.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
Cổ phiếu niêm yết	77,156,014,847	83,512,281,200	6,493,909,958	(137,643,605)	83,512,281,200	292,015,659,250	291,390,918,650	1,099,230,855	(1,723,971,455)	291,390,918,650
N ngân hàng TMCP Á Châu	1,631,000,000	1,665,000,000	34,000,000	-	1,665,000,000	-	-	-	-	-
CTCP DV Du lịch Phú Thọ	803,400,000	673,620,000	-	(129,780,000)	673,620,000	803,400,000	587,100,000	-	(216,300,000)	587,100,000
CTCP Mía đường Boirbon Tây Nguyễn	6,024,590,000	6,070,400,000	45,810,000	-	6,070,400,000	-	-	-	-	-
CTCP Phân bón Đầu Khí Cà Mau	9,804,278,735	12,933,591,000	3,129,312,265	-	12,933,591,000	13,625,783,138	14,206,920,000	581,136,862	-	14,206,920,000
CTCP Vincom	55,668,520,000	58,950,000,000	3,281,480,000	-	58,950,000,000	-	-	-	-	-
N ngân hàng TMCP Nam Việt	-	-	-	-	-	141,592,000,000	141,592,000,000	-	-	141,592,000,000
CTCP Chứng khoán Everest	-	-	-	-	-	21,985,250,000	22,502,550,000	517,300,000	-	22,502,550,000
N ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin	3,215,000,000	3,217,500,000	2,500,000	-	3,217,500,000	-	-	-	-	-
Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	-	-	-	-	-	114,000,000,000	112,500,000,000	-	(1,500,000,000)	112,500,000,000
Các công ty khác	9,226,112	2,170,200	807,693	(7,863,605)	2,170,200	9,226,112	2,348,650	793,993	(7,671,455)	2,348,650

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	31.03.2021				01.01.2021				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá	
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
Trái phiếu niêm yết	88,628,226,516	88,118,033,226	4,097,611	(514,290,900)	88,118,033,225				
CTCP Vinhomes	41,474,800,000	40,960,509,100	-	(514,290,900)	40,960,509,100				
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế	47,153,426,516	47,157,524,126	4,097,611	-	47,157,524,126				
Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	145,900,000,000	-	-	145,900,000,000	143,000,000,000	143,000,000,000	-	143,000,000,000
CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-	2,900,000,000	-	-	-	-
CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140,000,000,000	140,000,000,000	-	-	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000	-	140,000,000,000
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	-	3,000,000,000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	31.03.2021						01.01.2021			
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Trái phiếu chưa niêm yết	353,635,043,585	353,097,808,219	50,294,057	(587,529,423)	353,097,808,219	16,041,650,828	16,100,000,000	58,349,172	-	16,100,000,000
CTCP Bất động sản Khải Hoàn Land	1,006,437,557	1,000,000,000	-	(6,437,557)	1,000,000,000	-	-	-	-	-
CTCP BĐS Wonderland	2,101,016,100	2,100,000,000	-	(1,016,100)	2,100,000,000	-	-	-	-	-
CTCP Đầu tư TMDV Gia Khang	1,006,027,397	1,000,000,000	-	(6,027,397)	1,000,000,000	-	-	-	-	-
CTCP ĐTTM Sunshine Tech	600,093,454	600,000,000	-	(93,454)	600,000,000	-	-	-	-	-
CTCP Công trình Giao Thông Đồng Nai	612,448,066	600,000,000	-	(12,448,066)	600,000,000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Phúc Khang Đồng Sài Gòn	2,187,282,601	2,200,000,000	12,717,399	-	2,200,000,000	-	-	-	-	-
CTCP ĐTPT Công nghiệp và Vận tải Sân Thế Kỷ	5,471,738,410	5,500,000,000	28,261,590	-	5,500,000,000	-	-	-	-	-
CTCP Bất Động Sân Thế Kỷ	100,121,000,000	100,030,136,986	-	(90,863,014)	100,030,136,986	-	-	-	-	-
CTCP ĐT KD Bất động sản Hà An	100,385,000,000	100,029,589,041	-	(355,410,959)	100,029,589,041	-	-	-	-	-
CTCP Năng Lượng Bắc Hà	100,144,000,000	100,028,767,123	-	(115,232,877)	100,028,767,123	-	-	-	-	-
NH TMCP Bảo Việt CTCP Hưng Thịnh Land	40,000,000,000	40,009,315,068	9,315,068	-	40,009,315,068	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	16,041,650,828	16,100,000,000	58,349,172	-	16,100,000,000
Cộng FVTPL	1,170,528,539,742	1,175,837,377,439	6,548,301,626	(1,239,463,929)	1,175,837,377,439	451,057,310,078	450,490,918,650	1,157,580,027	(1,723,971,455)	450,490,918,650

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)

1,911,992,992,995

Các loại Tài sản tài chính	31.03.2021				01.01.2021				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Tài sản HTM	450,000,000,000	450,000,000,000	-	-	450,000,000,000	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	450,000,000,000	450,000,000,000	-	-	450,000,000,000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	400,000,000,000	400,000,000,000			400,000,000,000				
Ngân hàng TMCP Đông Á	50,000,000,000	50,000,000,000			50,000,000,000				
TSTC cho vay	286,155,615,556	286,155,615,556	-	-	286,155,615,556	-	-	-	127,817,183,500
Cho vay hoạt động Margin	138,911,903,213	138,911,903,213			138,911,903,213			23,283,332,086	23,283,332,086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	147,243,712,343	147,243,712,343			147,243,712,343			104,533,851,414	104,533,851,414
Tổng cộng	1,906,684,155,298	1,911,992,992,995	6,548,301,626	(1,239,463,929)	1,911,992,992,995	578,874,493,578	1,157,580,027	(1,723,971,455)	578,308,102,150
									578,308,102,150

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	5,878,530,000	695,000,000
- Phải thu bán tài sản tài chính FVTPL	5,878,530,000	695,000,000
b) Trả trước người bán	538,293,875,728	512,551,667,980
c) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	39,273,153,077	62,742,833,058
Phải thu hoạt động dịch vụ	522,989,952	286,191,058
Phải thu dịch vụ khác	38,750,163,125	62,456,642,000
d) Phải thu khác	1,488,612,106	12,706,169,135
Các khoản phải thu khác	1,488,612,106	12,706,169,135
	585,031,529,816	588,695,670,173

5. Chi phí trả trước

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	1,328,679,472	1,090,385,434
Chi phí thuê đường truyền dẫn	284,726,769	441,568,131
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	5,536,702	8,305,051
Chi phí quản lý thành viên	298,499,993	-
Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm	316,201,039	298,090,812
Chi phí công cụ dụng cụ	202,801,445	121,518,349
Chi phí thuê văn phòng	131,891,760	131,891,760
Chi phí ngắn hạn khác	89,021,764	89,011,331
b) Dài hạn	5,204,808,606	5,501,756,869
Chi phí cải tạo văn phòng	3,421,997,193	3,819,852,990
Chi phí vật dụng văn phòng	1,670,505,817	1,561,344,581
Chi phí thuê đường truyền dẫn	21,802,000	16,720,000
Chi phí dài hạn khác	90,503,596	103,839,298
	6,533,488,078	6,592,142,303

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	20,000,000	20,000,000
Ký quỹ thuê kho	5,000,000	5,000,000
Ký quỹ thuê máy photo	15,000,000	15,000,000
b) Dài hạn	2,787,316,873	2,265,293,833
Ký quỹ thuê văn phòng	2,701,316,873	2,179,293,833
Ký quỹ sử dụng taxi	8,000,000	8,000,000
Ký quỹ thuê xe	78,000,000	78,000,000
	2,807,316,873	2,285,293,833

7. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4,683,323,200	940,454,545	3,494,699,984	9,118,477,729
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,683,323,200	940,454,545	3,494,699,984	9,118,477,729
Trong đó:				
Đã khấu hao hết			-	4,435,154,529
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1,453,182,720	940,454,545	3,494,699,984	5,888,337,249
Tăng trong kỳ	244,861,986	-	-	244,861,986
- Khấu hao trong năm	244,861,986	-	-	244,861,986
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,698,044,706	940,454,545	3,494,699,984	6,133,199,235
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	<u>3,230,140,480</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3,230,140,480</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>2,985,278,494</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2,985,278,494</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Tại ngày đầu năm	-	-	-	4,435,154,529
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	4,435,154,529

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện vận tải và thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 4,434,154,529 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,435,154,529 VND).

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	10,953,787,564	10,953,787,564
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	10,953,787,564	10,953,787,564
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết</i>	<i>7,013,017,564</i>	<i>7,013,017,564</i>
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7,227,530,379	7,227,530,379
Khấu hao trong kỳ	197,038,500	197,038,500
Số dư cuối kỳ	7,424,568,879	7,424,568,879
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3,726,257,185	3,726,257,185
Tại ngày cuối kỳ	3,529,218,685	3,529,218,685

Nguyên giá của phần mềm giao dịch chứng khoán bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 7.013.017.564 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.013.017.564 VND).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Nâng cấp hệ thống chứng khoán InvestExp V4.0	758,382,609	425,882,609
	758,382,609	425,882,609

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10,658,331,256	6,584,616,106
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch đánh giá giảm TSTC FVTPL	335,567,449	354,391,380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	10,322,763,807	6,230,224,726
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1,510,613,274)	(231,438,253)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch đánh giá tăng TSTC FVTPL	(1,510,613,274)	(231,438,253)
	9,147,717,982	6,353,177,853

11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	4,258,022,988	4,168,916,260
Mức đóng góp theo doanh số	456,933,958	50,208,981
Tiền lãi phân bổ	(276,995,794)	(238,098,047)
	4,557,961,152	4,101,027,194

12. Phải trả người bán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	-	3,300,000
CTCP Chứng khoán Thủ Đô	-	310,395,000
CTCP Corlor Life	-	10,542,500
	-	324,237,500

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số dư cuối kỳ</i>
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	4,661,928,949	19,667,581,727	15,002,820,607	9,326,690,069
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động	2,423,141,001	6,007,847,065	7,636,160,683	794,827,383
Thuế giá trị gia tăng	37,524,324	34,900,000	71,182,041	1,242,283
Thuế thu nhập doanh nghiệp		19,894,162,128	-	19,894,162,128
Lệ phí môn bài		3,000,000	3,000,000	-
	7,122,594,274	45,607,490,920	22,713,163,331	30,016,921,863

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Hoạt động của công ty thuộc diện chịu thuế suất 20%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	37,175,660,333	21,886,689,192
Phí giao dịch, lưu ký	850,473,670	992,335,319
Chi phí lãi trái phiếu	9,680,890,413	9,930,958,904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,368,066,545	755,270,254
	49,075,090,961	33,565,253,669

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả cổ tức cho cổ đông của công ty	19,412,500	19,412,500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1,480,199,579	1,606,627,659
Phải trả tiền chờ giao dịch trái phiếu	13,800,300,000	93,615,156,761
Phải trả tổ chức phát hành	264,000,000,000	
Phải trả, phải nộp khác	36,144,550,744	6,666,086,056
	315,444,462,823	101,907,282,976

16. Trái phiếu phát hành dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>
Trái phiếu phát hành						
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	1.000.000.000.000	9,20%	36 tháng	1.000.000.000.000	9,20%	36 tháng
Cộng	1.000.000.000.000			1.000.000.000.000		

(i) Trái phiếu phát hành theo từng lần như sau:

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.01 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.02 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.03 với tổng giá trị là 100.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 20 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.04 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Trong năm, lãi trái phiếu được ghi nhận vào chi phí tài chính

17. Vốn góp của chủ sở hữu

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Vốn góp của các cổ đông	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Lợi nhuận chưa phân phối

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Lỗ lũy kế đầu năm	(39,483,984,042)	(128,749,980,001)
Lãi/ (lỗ) đã thực hiện đến kỳ báo cáo	88,199,673,321	86,943,906,166
Lãi/ (lỗ) chưa thực hiện đến kỳ báo cáo	8,669,769,254	2,322,089,793
	57,385,458,533	(39,483,984,042)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

19.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	488.049.164	488.049.164
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284	37.510.206.284
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	370.195.050.072	370.195.050.072
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	41.529.999
	408.234.835.519	408.234.835.519

19.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		
Sàn HNX	150,000	167,457,150,000
Sàn HOSE	66,677,990,000	60,148,290,000
Sàn Upcom	624,330,000	624,330,000
	67,302,470,000	226,718,270,000

19.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu	84,900,000,000	82,000,000,000
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000
CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	79,000,000,000	79,000,000,000
CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	-
Trái phiếu	353,000,000,000	16,100,000,000
CTCP Hưng Thịnh Land	-	16,100,000,000
CTCP Bất động sản Khải Hoàn Land	1,000,000,000	
CTCP BĐS Wonderland	2,100,000,000	
CTCP Đầu tư TMDV Gia Khang	1,000,000,000	
CTCP ĐTTM Sunshine Tech	600,000,000	
CTCP Công trình Giao Thông Đồng Nai	600,000,000	
CÔNG TY TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn	2,200,000,000	
CTCP ĐTPT Công nghiệp và Vận tải	5,500,000,000	
CTCP Bất Động Sản Thế Kỷ	100,000,000,000	
CTCP ĐT KD Bất động sản Hà An	100,000,000,000	
CTCP Năng Lượng Bắc Hà	100,000,000,000	
NH TMCP Bảo Việt	40,000,000,000	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (theo mệnh giá)(tiếp theo)

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Chứng chỉ tiền gửi	505,209,254,794	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	72,147,945,205	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30,107,358,904	
Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vượng	101,205,400,000	
Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vượng	101,205,400,000	
Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	200,543,150,685	
	943,109,254,794	98,100,000,000

19.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	142,997,144	1,471,610,240,000	111,385,555	1,113,855,545,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	217,309,067	2,173,090,670,000	83,262,629	1,966,554,330,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6,250,700	100,180,200,000	2,664,591	26,645,910,000
	366,556,911	3,744,881,110,000	197,312,775	3,107,055,785,000

19.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	2,160,545	23,588,250,000	2,434,909	24,349,090,000
	2,160,545	23,588,250,000	2,434,909	24,349,090,000

19.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	576,204,853,412	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	623,175,214	575,907,986
	576,828,028,626	154,001,020,004

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty CP Sunshine Marina Nha Trang		28,000,000,000
	-	28,000,000,000

19.8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	576,204,853,412	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	623,175,214	575,907,986
	576,828,028,626	154,001,020,004

20. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1,480,199,579	1,606,627,659
	1,480,199,579	1,606,627,659

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
I Lãi bán FVTPL							
a) Năm 2021							
a.1) Lãi Quý I-2021	17,109,144		1,393,565,739,542	1,379,422,714,925	14,143,024,617		
Cổ phiếu niêm yết	5,119,300		108,823,670,000	97,480,364,403	11,343,305,597		
CTI	173,600	18,898	3,280,650,000	2,815,600,000	465,050,000		
DCM	2,545,700	15,745	40,082,640,000	33,970,314,403	6,112,325,597		
KBC	200,000	45,226	9,045,100,000	6,975,000,000	2,070,100,000		
NVL	90,000	75,836	6,825,240,000	6,007,000,000	818,240,000		
OCB	70,000	21,271	1,489,000,000	1,388,000,000	101,000,000		
SBT	1,250,000	23,076	28,844,660,000	28,609,280,000	235,380,000		
SSB	100,000	27,560	2,756,030,000	2,015,000,000	741,030,000		
STB	450,000	18,001	8,100,350,000	7,844,390,000	255,960,000		
TCB	240,000	35,000	8,400,000,000	7,855,780,000	544,220,000		
Trái phiếu niêm yết	1,951,761		202,633,987,350	202,623,269,949	10,717,401		
ANC11601	951,761	100,873	96,006,987,350	96,004,269,949	2,717,401		
TD203.5026	1,000,000	106,627	106,627,000,000	106,619,000,000	8,000,000		
Trái phiếu chưa niêm yết	10,037,583	201,707,086	1,032,108,082,192	1,029,866,341,073	2,241,741,119		
CIL.2020.01	537,000	100,000	53,700,000,000	53,609,347,549	90,652,451		
CI1072022	4,000	100,000	400,000,000	399,852,406	147,594		
GTP.2021.01	3,000,000	100,026	300,078,082,192	300,000,000,000	78,082,192		
HTL.2019.02	433,000	100,000	43,300,000,000	43,235,864,612	64,135,388		
HTL.2019.04	158,000	100,000	15,800,000,000	15,761,581,373	38,418,627		
HTL.2019.07	11,000	100,000	1,100,000,000	1,097,476,501	2,523,499		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
HTL.2020.01	932,000	100,000	93,200,000,000	93,189,632,872	10,367,128		
HTL.2020.06	258	100,000,000	25,800,000,000	25,721,219,447	78,780,553		
HTL.2020.06.01	5	100,000,000	500,000,000	491,637,529	8,362,471		
KHL.2020.01	405,000	100,000	40,500,000,000	40,487,122,186	12,877,814		
NNHP.2020.01	283,020	107,060	30,300,000,000	30,134,428,954	165,571,046		
PKĐSG.2020.01	21,000	100,000	2,100,000,000	2,087,860,664	12,139,336		
PTC.2020.01	1,475,000	100,000	147,500,000,000	147,192,379,297	307,620,703		
SAM.2020.01	464,200	100,000	46,420,000,000	45,841,600,930	578,399,070		
SST.2020.01	509,500	100,000	50,950,000,000	50,810,215,041	139,784,959		
TCD.2020.01	489,000	100,000	48,900,000,000	48,705,552,031	194,447,969		
TNE.2020.01	5,000	100,000	500,000,000	487,748,248	12,251,752		
WDL.2020.01	444,000	100,000	44,400,000,000	44,302,582,937	97,417,063		
XDC.2020.01	866,600	100,000	86,660,000,000	86,310,238,496	349,761,504		
Chứng chỉ tiền gửi	500	100,000,000	50,000,000,000	49,452,739,500	547,260,500		
CTCP tài chính Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	49,452,739,500	547,260,500		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
a.2) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)	17,109,144		1,393,565,739,542	1,379,422,714,925		14,143,024,617	
Cổ phiếu niêm yết	5,119,300		108,823,670,000	97,480,364,403		11,343,305,597	
CTI	173,600	18,898	3,280,650,000	2,815,600,000		465,050,000	
DCM	2,545,700	15,745	40,082,640,000	33,970,314,403		6,112,325,597	
KBC	200,000	45,226	9,045,100,000	6,975,000,000		2,070,100,000	
NVL	90,000	75,836	6,825,240,000	6,007,000,000		818,240,000	
OCB	70,000	21,271	1,489,000,000	1,388,000,000		101,000,000	
SBT	1,250,000	23,076	28,844,660,000	28,609,280,000		235,380,000	
SSB	100,000	27,560	2,756,030,000	2,015,000,000		741,030,000	
STB	450,000	18,001	8,100,350,000	7,844,390,000		255,960,000	
TCB	240,000	35,000	8,400,000,000	7,855,780,000		544,220,000	
Trái phiếu niêm yết	1,951,761		202,633,987,350	202,623,269,949		10,717,401	
ANC11601	951,761	100,873	96,006,987,350	96,004,269,949		2,717,401	
TD2035026	1,000,000	106,627	106,627,000,000	106,619,000,000		8,000,000	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
Trái phiếu chưa niêm yết	10,037,583	201,707,086	1,032,108,082,192	1,029,866,341,073		2,241,741,119	
CII.2020.01	537,000	100,000	53,700,000,000	53,609,347,549		90,652,451	
CII072022	4,000	100,000	400,000,000	399,852,406		147,594	
GTP.2021.01	3,000,000	100,026	300,078,082,192	300,000,000,000		78,082,192	
HTL.2019.02	433,000	100,000	43,300,000,000	43,235,864,612		64,135,388	
HTL.2019.04	158,000	100,000	15,800,000,000	15,761,581,373		38,418,627	
HTL.2019.07	11,000	100,000	1,100,000,000	1,097,476,501		2,523,499	
HTL.2020.01	932,000	100,000	93,200,000,000	93,189,632,872		10,367,128	
HTL.2020.06	258	100,000,000	25,800,000,000	25,721,219,447		78,780,553	
HTL.2020.06.01	5	100,000,000	500,000,000	491,637,529		8,362,471	
KHL.2020.01	405,000	100,000	40,500,000,000	40,487,122,186		12,877,814	
NNHP.2020.01	283,020	107,060	30,300,000,000	30,134,428,954		165,571,046	
PKĐSG.2020.01	21,000	100,000	2,100,000,000	2,087,860,664		12,139,336	
PTC.2020.01	1,475,000	100,000	147,500,000,000	147,192,379,297		307,620,703	
SAM.2020.01	464,200	100,000	46,420,000,000	45,841,600,930		578,399,070	
SST.2020.01	509,500	100,000	50,950,000,000	50,810,215,041		139,784,959	
TCD.2020.01	489,000	100,000	48,900,000,000	48,705,552,031		194,447,969	
TNE.2020.01	5,000	100,000	500,000,000	487,748,248		12,251,752	
WDL.2020.01	444,000	100,000	44,400,000,000	44,302,582,937		97,417,063	
XDC.2020.01	866,600	100,000	86,660,000,000	86,310,238,496		349,761,504	
Chứng chỉ tiền gửi	500	100,000,000	50,000,000,000	49,452,739,500		547,260,500	
CTCP tài chính Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	49,452,739,500		547,260,500	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
II							
Lỗ bán FVTPL							
a)							
a.1)							
Lỗ Quý I-2021							
Cổ phiếu niêm yết							
BVH	786,000	62,450	9,016,038,000	9,147,500,000	(131,462,000)	(65,810,000)	
SCR	750,000	9,024	6,767,848,000	6,833,500,000	(65,652,000)	(65,652,000)	
Trái phiếu niêm yết							
TD1429094	500,000	155,631	77,815,500,000	77,841,500,000	(26,000,000)	(26,000,000)	
Trái phiếu chưa niêm yết							
DGT.2019	7,414	5,678,446	738,508,000,000	746,592,573,950	(8,084,573,950)	(324,492,653)	
HNG.2020.01	499	100,000,000	49,900,000,000	50,407,221,187	(507,221,187)	(507,221,187)	
HTL.2019.07	778,000	100,000	77,800,000,000	78,905,344,149	(1,105,344,149)	(1,105,344,149)	
HTL.2019.04	716,000	100,000	71,600,000,000	72,427,350,229	(827,350,229)	(827,350,229)	
KHL.2020.01	615,000	100,000	61,500,000,000	61,843,348,436	(343,348,436)	(343,348,436)	
NNHP.2020.01	32,214	763,643	24,600,000,000	24,653,948,418	(53,948,418)	(53,948,418)	
CIH072022	833,000	100,000	83,300,000,000	83,856,731,447	(556,731,447)	(556,731,447)	
TCD.2020.01	144,580	100,000	14,458,000,000	14,488,820,980	(30,820,980)	(30,820,980)	
CIH102021	279,000	100,000	27,900,000,000	27,972,146,001	(72,146,001)	(72,146,001)	
HTL.2020.01	951,000	100,000	95,100,000,000	96,574,624,077	(1,474,624,077)	(1,474,624,077)	
SST.2020.01	92,000	100,000	9,200,000,000	9,204,204,797	(4,204,797)	(4,204,797)	
HTL.2019.02	296,000	100,000	29,600,000,000	29,674,238,313	(74,238,313)	(74,238,313)	
BCGL.2019.01	770,000	100,000	77,000,000,000	78,448,730,825	(1,448,730,825)	(1,448,730,825)	
SAM.2020.01	226,000	100,000	22,600,000,000	23,073,649,369	(473,649,369)	(473,649,369)	
CIH.2020.01	213,000	100,000	21,300,000,000	21,729,134,783	(429,134,783)	(429,134,783)	
CIH052022	122,000	100,000	12,200,000,000	12,508,791,455	(308,791,455)	(308,791,455)	
WDL.2020.01	100,500	100,000	10,050,000,000	10,055,668,762	(5,668,762)	(5,668,762)	
PTC.2020.01	53,000	100,000	5,300,000,000	5,332,073,274	(32,073,274)	(32,073,274)	
GKC.2021.01	30,000	100,000	3,000,000,000	3,012,054,795	(12,054,795)	(12,054,795)	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
a.2) Lỗ lũy kế đến Quý I-2021	7,545,207		825,339,538,000	833,581,573,950		(8,242,035,950)	
Cổ phiếu niêm yết	786,000		9,016,038,000	9,147,500,000		(131,462,000)	
BVH	36,000	62,450	2,248,190,000	2,314,000,000		(65,810,000)	
SCR	750,000	9,024	6,767,848,000	6,833,500,000		(65,652,000)	
Trái phiếu niêm yết	500,000		77,815,500,000	77,841,500,000		(26,000,000)	
TD1429094	500,000	155,631	77,815,500,000	77,841,500,000		(26,000,000)	
Trái phiếu chưa niêm yết	6,259,207		738,508,000,000	746,592,573,950		(8,084,573,950)	
DGT.2019	7,414	5,678,446	42,100,000,000	42,424,492,653		(324,492,653)	
HNG.2020.01	499	100,000,000	49,900,000,000	50,407,221,187		(507,221,187)	
HTL.2019.07	778,000	100,000	77,800,000,000	78,905,344,149		(1,105,344,149)	
HTL.2019.04	716,000	100,000	71,600,000,000	72,427,350,229		(827,350,229)	
KHL.2020.01	615,000	100,000	61,500,000,000	61,843,348,436		(343,348,436)	
NNHP.2020.01	32,214	763,643	24,600,000,000	24,653,948,418		(53,948,418)	
CIH072022	833,000	100,000	83,300,000,000	83,856,731,447		(556,731,447)	
TCD.2020.01	144,580	100,000	14,458,000,000	14,488,820,980		(30,820,980)	
CIH102021	279,000	100,000	27,900,000,000	27,972,146,001		(72,146,001)	
HTL.2020.01	951,000	100,000	95,100,000,000	96,574,624,077		(1,474,624,077)	
SST.2020.01	92,000	100,000	9,200,000,000	9,204,204,797		(4,204,797)	
HTL.2019.02	296,000	100,000	29,600,000,000	29,674,238,313		(74,238,313)	
BCGL.2019.01	770,000	100,000	77,000,000,000	78,448,730,825		(1,448,730,825)	
SAM.2020.01	226,000	100,000	22,600,000,000	23,073,649,369		(473,649,369)	
CIH.2020.01	213,000	100,000	21,300,000,000	21,729,134,783		(429,134,783)	
CIH052022	122,000	100,000	12,200,000,000	12,508,791,455		(308,791,455)	
WDL.2020.01	100,500	100,000	10,050,000,000	10,055,668,762		(5,668,762)	
PTC.2020.01	53,000	100,000	5,300,000,000	5,332,073,274		(32,073,274)	
GKC.2021.01	30,000	100,000	3,000,000,000	3,012,054,795		(12,054,795)	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng/giảm lũy kế đến kỳ này	Chênh lệch đánh giá tăng/giảm lũy kế từ đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán lũy kế đến kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	1,170,528,539,742	1,175,837,377,439	5,308,837,697	(566,391,428)	5,875,229,125	7,553,066,371	(1,677,837,246)
1	Cổ phiếu niêm yết	77,156,014,847	83,512,281,200	6,356,266,353	(624,740,600)	6,981,006,953	7,498,674,703	(517,667,750)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	145,900,000,000	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	88,628,226,516	88,118,033,226	(510,193,290)	-	(510,193,290)	4,097,611	(514,290,900)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	353,635,043,585	353,097,808,218	(537,235,367)	58,349,172	(595,584,539)	50,294,057	(645,878,595)
	Chứng chỉ tiền gửi	505,209,254,794	505,209,254,794	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	450,000,000,000	450,000,000,000	-	-	-	-	-
	Công cụ thị trường tiền tệ	450,000,000,000	450,000,000,000	-	-	-	-	-
II	Các khoản cho vay	286,155,615,556	286,155,615,556	-	-	-	-	-
	Cộng	1,906,684,155,298	1,911,992,992,995	5,308,837,697	(566,391,428)	5,875,229,125	7,553,066,371	(1,677,837,246)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Từ tài sản FVTPL	10,447,656,440	10,447,656,440	8,300	8,300
Từ các khoản đầu tư HTM	-	-	3,287,671	3,287,671
	10,447,656,440	10,447,656,440	3,295,971	3,295,971

24. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	2,158,034,820	2,158,034,820	88,651,312	88,651,312
Cho vay ký quỹ	1,220,099,835	1,220,099,835	-	-
	3,378,134,655	3,378,134,655	88,651,312	88,651,312

25. Doanh thu ngoài thu nhập tài sản tài chính

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9,480,058,752	9,480,058,752	1,588,920,069	1,588,920,069
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	100,000,000	100,000,000	-	-
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	28,513,672,002	28,513,672,002	353,040,791	353,040,791
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	181,070,000,000	181,070,000,000	84,359,800,000	84,359,800,000
Doanh thu khác	506,312,793	506,312,793	253,000,000	253,000,000
	219,670,043,547	219,670,043,547	86,554,760,860	86,554,760,860

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	348,109,422	348,109,422	266,683,118	266,683,118
	348,109,422	348,109,422	266,683,118	266,683,118

27. Chi phí hoạt động tài chính

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lãi vay	24,864,063,260	24,864,063,260	165,553,804	165,553,804
	24,864,063,260	24,864,063,260	165,553,804	165,553,804

28. Chi phí hoạt động kinh doanh

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí hoạt động tự doanh	9,969,675,102	9,969,675,102	144,428,230	144,428,230
- <i>Lỗ bán tài sản tài chính</i>	8,242,035,950	8,242,035,950	-	-
- <i>Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính</i>	1,677,837,246	1,677,837,246	428,230	428,230
- <i>Chi phí giao dịch mua các Tài sản tài chính</i>	49,801,906	49,801,906	-	-
- <i>Chi phí dự phòng phải thu khó đòi</i>	-	-	-	-
- <i>Chi phí quản lý hoạt động tự doanh</i>	-	-	144,000,000	144,000,000
Chi phí hoạt động môi giới	8,224,344,045	8,224,344,045	1,775,763,214	1,775,763,214
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	54,017,677,625	54,017,677,625	39,945,136,877	39,945,136,877
Chi phí lưu ký chứng khoán	27,544,504,857	27,544,504,857	174,482,756	174,482,756
	99,756,201,629	99,756,201,629	42,039,811,077	42,039,811,077

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**29. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lương và các khoản phụ cấp	10,503,052,271	10,503,052,271	7,351,682,095	7,351,682,095
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	644,232,000	644,232,000	365,990,502	365,990,502
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	65,231,473	65,231,473	33,474,857	33,474,857
Chi phí công cụ, dụng cụ	224,537,715	224,537,715	207,183,151	207,183,151
Chi phí khấu hao TSCĐ	295,643,621	295,643,621	340,575,414	340,575,414
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2,119,148	2,119,148	4,491,250	4,491,250
Chi phí thuê văn phòng	59,950,800	59,950,800	1,090,913,689	1,090,913,689
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	164,129,888	164,129,888	96,062,347	96,062,347
Chi phí mua ngoài khác	1,958,357,311	1,958,357,311	936,547,099	936,547,099
Chi phí khác	3,332,104,260	3,332,104,260	1,637,474,794	1,637,474,794
	17,249,358,487	17,249,358,487	12,064,395,198	12,064,395,198

30. Thu nhập khác

	<i>QUÝ I - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ I - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Thu nhập từ thu hồi Nợ đã xử lý của vụ án Huyện Như	-	-	1,123,787,270	1,123,787,270
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	2,464,159,100	2,464,159,100	-	-
Thu nhập khác	-	-	2,100	2,100
	2,464,159,100	2,464,159,100	1,123,789,370	1,123,789,370

THÔNG TIN KHÁC

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính Quý của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2021



NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN

Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

Giám đốc Khối Tài chính



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính